

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/DS-ST

Ngày 14 – 9 – 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mai Th, sinh năm 1976; Cư trú tại: Ấp C K, xã QPB, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Văn Nh (Phan Phương Nh) và bà Lâm Hồng H; Cư trú tại: Ấp N C, xã QPB, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Mai Th trình bày:*

Ngày 20/9/2020^{al}, bà Th có tham gia 01 dây hụi do bà H làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, có 23 chung, bà Th tham gia một chung. Đến ngày 20/11/2021^{al}, bà Th bỏ hụi hốt dây hụi này cụ thể: đóng được 14 lần, còn 8 lần, số tiền bỏ hụi để hốt là 3.160.000 đồng, sau khi trừ và lấp hết phần hụi còn lại thì số tiền được hốt là 65.780.000 đồng, nhưng bà H chỉ trả cho bà 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 35.780.000 đồng chưa thanh toán.

Bà Th xác định tại giấy kết nợ hụi ngày 05/12/2021^{al} do bà H ghi và ký tên thể hiện: Bà Th bỏ hốt hụi ngày 20/11/2021^{al}, tổng hụi có 23 chung, trừ 1 chung của bà tham gia còn lại 22 chung, khi hốt đã được 14 lần hụi chết, 4 lần hụi sống, còn lại 4 lần của 4 hụi viên chơi cùng chung hụi có thỏa thuận với

nhau khi hốt sẽ trừ phần lợi nhuận của nhau ra nên không tính vào phần được hốt. Sau khi hốt sẽ còn 4 lần hụi chết bà H yêu cầu phải đóng lại hết 4 lần hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng một lần và cùng nhau chốt số tiền còn nợ lại của chung hụi hốt được là 65.780.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H chỉ chốt giấy chứ chưa giao tiền, sau lần bà Th bỏ hốt hụi thì bà H đình hụi đến nay. Bà H trả dần cho bà Th vào các ngày 05/12/2021 al số tiền 5.000.000 đồng, ngày 15/12/2021 al số tiền 5.000.000 đồng, ngày 25/12/2021 al số tiền 5.000.000 đồng, ngày 05/01/2022 al số tiền 5.000.000 đồng, ngày 15/01/2021 al số tiền 5.000.000 đồng, ngày 25/01/2022 al số tiền 1.000.000 đồng, ngày 05/02/2022 al số tiền 2.000.000 đồng. Tổng bà H đã trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng, số còn nợ lại yêu cầu ông Nh và bà H thanh toán là 35.780.000 đồng.

Quá trình giao dịch hụi ông Nh và bà H đều là người trực tiếp giao dịch hụi với bà Th. Tuy nhiên, bà H trực tiếp nhiều hơn, bà H không biết chạy xe nên khi đi gom hụi hay chung hụi đều có ông Nh chở đi, có khi ông Nh cũng trực tiếp gom hụi của bà nên khẳng định ông Nh cũng có giao dịch hụi, biết việc tham gia hụi của bà Th.

** Đối với ông Phan Phương Nh, bà Lâm Hồng H:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nh, bà H biết về yêu cầu khởi kiện của bà Th nhưng ông Nh, bà H không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Mai Th có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Phan Phương Nh và bà Lâm Hồng H đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu ông Nh, bà H trả lại số tiền hụi còn nợ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giữa bà Th với ông Nh, bà H có giao dịch hụi với nhau, bà H làm chủ hụi và hưởng hoa hồng, bà Th là hụi viên tham gia một chung hụi mở ngày 20/09/2020 âm lịch và ngày 20/11/2021 âm lịch bà Th bỏ hụi hốt được số tiền 65.780.000 đồng, vì vậy giao dịch hụi của các đương sự là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên, sau khi bỏ hốt hụi bà H không thực hiện giao hụi mà tiến hành đình hụi. Theo chứng cứ có trong hồ sơ, tại giấy ghi “tổng tiền hụi 5 - 12 -2021...” thể hiện sau khi đình hụi bà H có giao cho bà Th nhiều lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng (BL03), còn nợ lại bà Th số tiền hụi 35.780.000 đồng. Do đó, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả phần hụi mà bà Th đã góp vào và được hốt hụi như thỏa thuận giao dịch hụi giữa các bên. Ngoài ra, bà Th xác định, giấy hụi ghi tên bà H làm chủ hụi nhưng quá trình giao dịch hụi

ông Nh là chồng bà H cũng có đi cùng bà H tham gia giao dịch hui, cụ thể cùng có thu gom hui của bà và các hui viên khác. Mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nH nên ông Nh và bà H phải cùng có trách nhiệm là phù hợp.

Đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, biểu, phường quy định: *“Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau: 1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.”* Và tại khoản 3 Điều 18 quy định: *“3. Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ”*.

Đối chiếu quy định pháp luật, bà H là chủ hui thì phải có nghĩa vụ giao phần hui mà bà Th đã bỏ hót như pH tích nêu trên, quá trình giải quyết Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nh, bà H biết nhưng vẫn không có ý kiến hay yêu cầu gì. Từ các căn cứ trên, buộc ông Nh, bà H trả số tiền hui còn nợ lại cho bà Th là có cơ sở.

Đối với lãi hui và lãi suất chậm trả, bà Th không yêu cầu ông Nh và bà H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nh, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.789.000 đồng (35.780.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 23, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mai Th.

1.1. Buộc ông Phan Phương Nh và bà Lâm Hồng H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Mai Th số tiền hui là 35.780.000 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án cho đến khi Th hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Mai Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí 447.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012726 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Đ D.

2.2. Ông Phan Phương Nh và bà Lâm Hồng H phải chịu 1.789.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

